

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách cấp muối i-ốt
cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 99/TTr - STC ngày 15/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách cấp muối i-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2023, với một số nội dung cụ thể như sau:

I. Kế hoạch cấp muối i-ốt:

1. Số hộ, số nhân khẩu:

- Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được cấp muối là 11.510 hộ;
- Tổng số nhân khẩu là 41.928 người.

2. Định mức muối i-ốt cấp: 06 kg/người/năm.

3. Số lượng muối cấp: 251.568 kg (41.928 người x 06 kg/người).

(Cụ thể số hộ, số nhân khẩu và số lượng muối i-ốt cấp cho từng địa bàn theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội đã được UBND tỉnh giao dự toán năm 2023 cho Ban Dân tộc tỉnh tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 để thực hiện.

II. Đơn giá muối:

Giao Ban Dân tộc tỉnh lập dự toán chi tiết trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt làm cơ sở tổ chức đấu thầu, trong đó:

- Đơn giá muối bao gồm: Muối sạch trộn i-ốt đựng trong túi OPP loại 01 kg;

- Đơn giá muối được tính đến địa điểm cấp phát muối là trụ sở UBND các xã (một số nơi giao tại thôn, làng) có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

III. Đơn vị thực hiện cấp phát muối i-ốt:

Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp muối i-ốt cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023 đảm bảo chất lượng và đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 2. Ban Dân tộc tỉnh chủ trì phối hợp với các sở ngành và UBND các huyện liên quan có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí nêu trên đúng mục đích và tổ chức thực hiện hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, không bỏ sót đối tượng được thụ hưởng chính sách theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Trưởng ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- CT, PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K3.

Lu

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /03/2023 của UBND tỉnh)

Số TT	Huyện/xã	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số lượng muối i-ốt (6kg/người)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	11.510	41.928	251.568	
I	Huyện An Lão	3.400	12.291	73.746	
1	Xã An Hòa	22	33	198	
2	Xã An Tân	52	196	1.176	
3	Thị trấn An Lão	323	1.190	7.140	
4	Xã An Trung	697	2.475	14.850	
5	Xã An Dũng	479	1.777	10.662	
6	Xã An Vinh	547	2.055	12.330	
7	Xã An Hưng	465	1.571	9.426	
8	Xã An Quang	370	1.307	7.842	
9	Xã An Nghĩa	199	734	4.404	
10	Xã An Toàn	246	953	5.718	
II	Huyện Vĩnh Thạnh	2.827	10.580	63.480	
1	Xã Vĩnh Sơn	864	3.302	19.812	
2	Xã Vĩnh Kim	538	2.025	12.150	
3	Xã Vĩnh Hào	109	395	2.370	
4	Xã Vĩnh Hiệp	254	926	5.556	
5	Xã Vĩnh Thịnh	172	689	4.134	
6	Xã Vĩnh Hòa	229	793	4.758	
7	Xã Vĩnh Thuận	431	1.654	9.924	
8	Xã Vĩnh Quang	6	6	36	
9	Thị trấn Vĩnh Thạnh	224	790	4.740	
III	Huyện Vân Canh	3.577	13.090	78.540	
1	Xã Canh Vinh	9	29	174	
2	Xã Canh Hiền	5	10	60	
3	Xã Canh Hiệp	558	2.110	12.660	
4	Xã Canh Thuận	882	3.256	19.536	
5	Xã Canh Hòa	533	1.933	11.598	
6	Xã Canh Liên	833	2.798	16.788	
7	Thị trấn Vân Canh	757	2.954	17.724	
IV	Huyện Hoài Ân	1.148	3.957	23.742	
1	Xã Đăk Mang	401	1.387	8.322	
2	Xã Bók Tới	523	1.867	11.202	
3	Xã Ân Sơn	186	588	3.528	
4	Xã Ân Tường Đông	25	58	348	
5	Xã Ân Mỹ	7	26	156	
6	Xã Ân Tường Tây	4	17	102	
7	Xã Ân Nghĩa	2	14	84	
V	Huyện Tây Sơn	527	1.902	11.412	
1	Xã Vĩnh An	388	1.410	8.460	
2	Xã Bình Tân	76	276	1.656	
3	Xã Tây Xuân	57	191	1.146	
4	Xã Tây Phú	2	10	60	
5	Xã Tây Giang	4	15	90	
VI	Huyện Phù Cát	31	108	648	
1	Xã Cát Sơn	14	48	288	
2	Xã Cát Lâm	17	60	360	